TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HN** **TỈNH BĐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 311/2020/HNGĐ-ST Ngày 04-9-2020 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH BĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Á

Ông Nguyễn Hữu Phước

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Toà án nhân dân thị xã HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:149/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 369/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu phố MA 1, phường HT, thị xã HN, tỉnh BĐ.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duy V, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu phố TL 1, phường HT Tây, thị xã HN, tỉnh BĐ.

(Chị T có mặt, anh V vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Vợ chồng tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân phường HT Tây ngày 28/6/2017. Trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là tính tình không hợp nên thường hay cãi vã, đánh đập lẫn nhau. Vì

sống không chịu đựng được nên chị bỏ về nhà mẹ ruột ở từ tháng 4/2020 cho đến nay và kể từ đó vợ chồng sống xa cách nhau, không ai quan tâm gì đến ai. Vì sống không hạnh phúc và không thể sống chung trở lại được, chị yêu cầu được ly hôn. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan An N, sinh ngày 29/7/2018. Sau ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị xin rút toàn bộ yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Duy V vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình tố tụng anh Vinh khai:* Vợ chồng tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã HT Tây ngày 28/6/2017. Trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là tính tình không hợp nên thường hay cãi vã, Chị T sống thiếu tôn trọng, có lời lẽ xúc phạm cha mẹ chồng, rồi tự bỏ về nhà mẹ vợ ở từ tháng 4/2020 cho đến nay và kể từ đó vợ chồng sống xa cách nhau, không ai quan tâm gì đến ai. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn, vì hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan An N, sinh ngày 29/7/2018. Hiện cháu N do anh trực tiếp nuôi dưỡng, sau ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con như từ bấy lâu nay và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh V. Giao cháu Nguyễn Phan An N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện nuôi con của chị T không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án*:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"* theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Vinh có địa chỉ cư trú tại khu phố TL 1, phường HT Tây, thị xã HN, tỉnh BĐ. Do đó Tòa án nhân dân thị xã HN thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân phường HT Tây ngày 28/6/2017 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là tính tình không hợp nên vợ chồng thường hay cải vã. Rồi chị T bỏ về nhà mẹ vợ ở từ tháng 4/2020 cho đến nay và kể từ đó vợ chồng sống xa cách nhau, không ai quan tâm gì đến ai. Nay chị T yêu cầu ly hôn, vì sống không hạnh phúc anh Vinh đồng ý ly hôn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Chị T và anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan An N, sinh ngày 29/7/2018. Sau ly hôn chị T và anh V không tự thỏa thuận được, cả hai đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại cháu N dưới 36 tháng tuổi để cháu được nuôi dưỡng tốt hơn về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giải quyết anh V phải giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về chia tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị T đã hoàn toàn tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu. Do đó Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết và các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu này là có căn cứ và đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Đối với hôn nhân và gia đình: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) sung vào ngân sách nhà nước là đúng với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đối với chia tài sản: Do nguyên đơn chị T rút toàn bộ yêu cầu, đã được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết nên tiền tạm ứng án phí được trả lại là có căn cứ và đúng theo tại khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 và 3 Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81 và các Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Duy V được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Duy V giao cháu Nguyễn Phan An N, sinh ngày 29/7/2018 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự

nguyện của chị Phan Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Duy V phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Duy V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản: Đình chỉ giải quyết. Các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Đối với hôn nhân và gia đình: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước. Chị T đã tạm ứng đủ theo biên lai thu số 0009809 ngày 02/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN, được tính trừ.

- Đối với chia tài sản: Hoàn trả lại cho chị Phan Thị T 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009808 ngày 02/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được nhận hoặc được niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường HT Tây, để Toà án nhân dân tỉnh BĐ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND thị xã HN;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Vinh